PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 229/2012/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2012*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc huy động vốn, thành lập, quản lý và giám sát hoạt động của quỹ hoán đổi danh mục (exchange-traded fund), sau đây gọi là quỹ ETF.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

a) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thực hiện việc quản lý, cung cấp dịch vụ cho quỹ ETF;

b) Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành viên lập quỹ và các tổ chức khác cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động huy động vốn, thành lập và quản lý quỹ ETF;

c) Nhà đầu tư tham gia vào quỹ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chỉ số tham chiếu* là chỉ số thị trường đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này do Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam xây dựng và quản lý.

2. *Chứng khoán cơ cấu* là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu.

3. *Danh mục chứng khoán cơ cấu* là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF.

4. *Đại lý phân phối* là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ ETF với công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ.

5. *Chứng chỉ quỹ ETF* là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ ETF. Mệnh giá chứng chỉ quỹ ETF là 10.000 đồng.

6. *Giá trị tài sản ròng tham chiếu* (iNAV) trên một chứng chỉ quỹ là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.

7. *Hoán đổi danh mục* là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa quỹ ETF và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại điều lệ quỹ.

8. *Hồ sơ cá nhân* bao gồm bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này, bản sao có chứng thực giấy chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc tài liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

9. *Lệnh giao dịch hoán đổi* bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ quỹ ETF, và lệnh bán, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.

10. *Một lô chứng chỉ quỹ ETF* bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ ETF. Lô chứng chỉ quỹ ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch hoán đổi danh mục giữa quỹ ETF và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

11. *Ngày định giá* là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ETF theo quy định tại Luật Chứng khoán.

12. *Ngày giao dịch hoán đổi* là ngày định giá mà quỹ ETF, thông qua công ty quản lý quỹ, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ quỹ ETF từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.

13. *Nhóm các công ty có quan hệ sở hữu* là các công ty có quan hệ công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

14. *Quỹ hoán đổi danh mục (Exchange-Traded Fund),* gọi tắt là quỹ ETF, là một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ ETF được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

15. *Vốn điều lệ quỹ* là giá trị tài sản ròng của quỹ ETF xác định tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong điều lệ quỹ.

16. *Thành viên lập quỹ* là công ty chứng khoán, có nghiệp vụ môi giới và tự doanh, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập quỹ ETF với công ty quản lý quỹ.

17. *Thời điểm đóng sổ lệnh* là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối, thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại điều lệ quỹ, công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ ETF niêm yết.

18. *Tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF* là thành viên lập quỹ được công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ ETF.

19. *Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan* là ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp một hoặc một số các dịch vụ sau:

a) Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;

- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;

- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;

- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ.

b) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;

- Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư;

- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;

c) Dịch vụ quan hệ khách hàng

- Tổ chức các cuộc họp ban đại diện quỹ, đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

- Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

20. *Tổ chức kinh doanh chứng khoán* là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ.

21. *Ngân hàng lưu ký* là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.

22. *Ngân hàng giám sát* là ngân hàng lưu ký có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ ETF của công ty quản lý quỹ.

Điều 3. Quy định chung

1. Tên của quỹ ETF phải phù hợp với các quy định pháp luật về doanh nghiệp, viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây:

a) Cụm từ "Quỹ ETF";

b) Tên viết tắt của công ty quản lý quỹ và chỉ số tham chiếu.

2. Chứng chỉ quỹ ETF được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam.

3. Tài sản của quỹ ETF được lưu ký tại một ngân hàng giám sát không phải là người có liên quan với công ty quản lý quỹ. Hoạt động đầu tư của quỹ ETF được giám sát bởi ngân hàng giám sát.

4. Chỉ số tham chiếu của quỹ ETF phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Do Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam xây dựng và quản lý;

b) Được xây dựng trên cơ sở các chứng khoán cơ cấu đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam;

c) Có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có tính đại diện cao, thể hiện đặc trưng của thị trường hoặc nhóm ngành nghề, lĩnh vực. Nguyên tắc hoạt động, công tác quản lý và duy trì chỉ số phải đảm bảo chỉ số phản ánh hợp lý biến động chung trên thị trường hoặc của nhóm ngành nghề, lĩnh vực, phản ánh chính xác sự biến động giá của chứng khoán cơ cấu, sự thay đổi tỷ trọng chứng khoán cơ cấu và loại chứng khoán cơ cấu;

d) Danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu phải đa dạng và bảo đảm:

- Đối với chỉ số cổ phiếu: có tối thiểu mười (10) cổ phiếu trong danh mục. Tỷ trọng của mỗi cổ phiếu trong danh mục không vượt quá 20% giá trị của chỉ số;

- Đối với chỉ số trái phiếu: có tối thiểu năm (05) trái phiếu trong danh mục. Tỷ trọng mỗi trái phiếu trong danh mục không vượt quá 20% giá trị của chỉ số, trừ trường hợp trái phiếu Chính phủ, tín phiếu, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

đ) Thông tin về chỉ số tham chiếu, mức thay đổi trong ngày của chỉ số tham chiếu phải được công bố hàng ngày trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu);

b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu.

6. Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc huy động vốn lập quỹ ETF, hoạt động đầu tư của quỹ ETF và các hoạt động khác có liên quan tới quỹ ETF được công ty quản lý quỹ thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ niêm yết, thành viên lập quỹ;

b) Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.

Chương II
THÀNH LẬP VÀ QUẢN LÝ QUỸ ETF

Mục 1
THÀNH LẬP QUỸ ETF

Điều 4. Điều kiện thành lập quỹ ETF

1. Việc chào bán lần đầu chứng chỉ quỹ ETF, huy động danh mục chứng khoán cơ cấu để lập quỹ ETF phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ ETF như sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Chứng khoán;

b) Có tối thiểu hai (02) thành viên lập quỹ;

c) Công ty quản lý quỹ có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ; không bị đặt trong tình trạng kiểm soát hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động; hoặc đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản;

d) Công ty quản lý quỹ không đang trong tình trạng bị xử phạt các hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực chứng khoán mà chưa thực hiện đầy đủ các chế tài và biện pháp khắc phục theo quyết định xử phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đăng ký mua tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ. Tổng số lô chứng chỉ quỹ chào bán thành công phải đạt tối thiểu mười (10) lô, hoặc một số lượng khác, bảo đảm vốn điều lệ của quỹ đạt không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại các quỹ ETF.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF

1. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF bao gồm:

a) Giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF theo mẫu tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Điều lệ quỹ;

c) Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

d) Các tài liệu dự kiến sử dụng để quảng cáo, thông tin giới thiệu về quỹ (nếu có);

đ) Danh sách kèm theo hồ sơ cá nhân của nhân viên điều hành quỹ;

e) Hợp đồng nguyên tắc về hoạt động dịch vụ ký với ngân hàng giám sát; hợp đồng nguyên tắc ký với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và các tổ chức cung cấp các dịch vụ có liên quan (nếu có); hợp đồng nguyên tắc ký với thành viên lập quỹ; hợp đồng nguyên tắc ký với tổ chức tạo lập thị trường (nếu có); kèm theo các tài liệu khác xác nhận thành viên lập quỹ đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

g) Tài liệu về chỉ số tham chiếu, bao gồm Nguyên tắc xây dựng và quản lý chỉ số và các tài liệu liên quan mô tả chi tiết về cơ cấu danh mục của chỉ số, nguyên lý

và phương pháp lựa chọn chứng khoán trong rổ chỉ số, nguyên lý và phương pháp tính chỉ số.

2. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm có đầy đủ những thông tin quan trọng có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư. Trong thời gian hồ sơ đang được xem xét, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cập nhật, sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu phát hiện thông tin không chính xác, phát sinh hoặc bỏ sót thông tin hoặc thấy cần thiết phải giải trình về vấn đề có thể gây hiểu nhầm. Văn bản sửa đổi, bổ sung phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ đăng ký chào bán hoặc của những người có cùng chức danh với những người đó hoặc của người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời gian Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF, công ty quản lý quỹ và người có liên quan chỉ được sử dụng một cách trung thực và chính xác các thông tin trong bản cáo bạch đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thăm dò thị trường, trong đó phải nêu rõ mọi thông tin chỉ là dự kiến. Việc cung cấp thông tin này không được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho công ty quản lý quỹ là văn bản xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chào bán, phân phối các lô chứng chỉ quỹ ETF

1. Việc chào bán các lô chứng chỉ quỹ ETF chỉ được thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF.

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải công bố bản thông báo chào bán theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này và đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Bản thông báo chào bán phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối các lô chứng chỉ quỹ ETF một cách công bằng, công khai, đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư tối thiểu là hai mươi (20) ngày. Thời hạn này phải được ghi trong bản thông báo chào bán.

4. Thành viên lập quỹ đăng ký tham gia góp vốn thành lập quỹ ETF trực tiếp với công ty quản lý quỹ. Nhà đầu tư đăng ký góp vốn thành lập quỹ ETF thông qua thành viên lập quỹ hoặc đại lý phân phối nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán.

5. Việc tham gia góp vốn thành lập quỹ ETF của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện bằng danh mục chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu và số lượng các lô chứng chỉ quỹ ETF phân phối cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được xác định trên cơ sở chỉ số tham chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.

Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và đã được công bố tại bản cáo bạch, thông báo chào bán, nhà đầu tư được tham gia góp vốn bằng tiền. Cơ chế, hình thức thanh toán, nguyên tắc xác định số lượng chứng chỉ quỹ phân phối cho nhà đầu tư trên cơ sở vốn góp bằng tiền của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ và đã được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt.

6. Toàn bộ danh mục chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải được phong tỏa tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngay sau khi giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này phải được lưu ký trên tài khoản lưu ký của quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát.

7. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ETF có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải hoàn thành việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ ETF. Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, công ty quản lý quỹ được đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ.

Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của công ty quản lý quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ, nhưng tối đa không quá ba mươi (30) ngày. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8. Việc đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán phải được công ty quản lý quỹ công bố công khai theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải tuân thủ quy định tại Điều 22 và Điều 23 Luật Chứng khoán.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký thành lập quỹ

1. Trong thời hạn năm (05) ngày sau khi kết thúc đợt chào bán, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ đăng ký lập quỹ gồm:

a) Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả chào bán chứng chỉ quỹ của ngân hàng giám sát kèm theo danh sách thành viên lập quỹ, nhà đầu tư: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, số giấy phép thành lập và hoạt động, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán; số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đã đăng ký mua.... theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này; xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về chi tiết danh mục chứng khoán cơ cấu của từng thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào quỹ ETF theo mẫu tại phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các hợp đồng chính thức ký với các thành viên lập quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, ngân hàng giám sát.

2. Hồ sơ đăng ký thành lập quỹ được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này các nội dung sau:

a) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đại hội nhà đầu tư về ban đại diện quỹ, thành viên ban đại diện quỹ và các nội dung liên quan;

b) Danh sách và hồ sơ cá nhân của các thành viên ban đại diện quỹ.

Điều 8. Điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt

1. Điều lệ quỹ lần đầu do công ty quản lý quỹ xây dựng theo mẫu quy định tại phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ ETF được coi là đã thông qua điều lệ. Trường hợp sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ đã ban hành, công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định cho phép thực hiện, công ty quản lý quỹ được sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm không ảnh hưởng đến nội dung của điều lệ mà không phải lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư. Sau khi sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung.

2. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng và cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, bao hàm đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định tại phụ lục số 09 và phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt được cập nhật khi phát sinh các thông tin quan trọng hoặc được cập nhật định kỳ theo tần suất quy định tại điều lệ quỹ. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt phải được trình bày dễ hiểu, hạn chế sử dụng thuật ngữ chuyên môn, được đăng trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư theo yêu cầu.

Điều 9. Xác nhận quyền sở hữu, đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF

1. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm lập sổ đăng ký nhà đầu tư và xác nhận quyền sở hữu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đối với số lô chứng chỉ quỹ ETF đã đăng ký mua. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải ghi đúng, đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;

b) Tổng số lô chứng chỉ quỹ đã bán; cơ cấu và chi tiết danh mục, giá trị vốn huy động được;

c) Danh sách thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và các thông tin sau: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, số giấy phép thành lập và hoạt động, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán; số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đã đăng ký mua; tỷ lệ sở hữu;

d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thực hiện đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ ETF cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ ETF thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

3. Số lượng các lô chứng chỉ quỹ ETF được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 10. Niêm yết, hủy niêm yết chứng chỉ quỹ ETF

1. Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất các thủ tục niêm

yết chứng chỉ quỹ ETF tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Hồ sơ niêm yết chứng chỉ quỹ ETF thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Sau mỗi ngày giao dịch hoán đổi, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có trách nhiệm thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF được công ty quản lý quỹ phát hành, mua lại.

3. Chứng chỉ quỹ ETF bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:

a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error-TE) liên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán, trong đó mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$\mathbf{TE_t = \sqrt{n}\sqrt{\frac{1}{n-1}\sum_{i=-n}^{-1}(R_i - \bar{R})^2}}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của quỹ và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = ln\left[\frac{NAV_i}{NAV_{i-1}}\right] - ln\left[\frac{Chỉ\ số\ tham\ chiếu_i}{Chỉ\ số\ tham\ chiếu_{i-1}}\right],$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n}\sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

n = 26

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

b) Không thể xác định được chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số;

c) Quỹ giải thể theo quy định tại Điều 20 Thông tư này;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

4. Trường hợp mức sai lệch của quỹ ETF vượt quá 80% mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán đồng thời công bố thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này trong vòng 24h, ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong vòng ba (03) tháng, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa.

Điều 11. Thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường

1. Thành viên lập quỹ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán; ngân hàng lưu ký;

b) Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập quỹ ETF, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%), hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

c) Đã ký hợp đồng lập quỹ ETF với công ty quản lý quỹ;

d) Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập quỹ.

2. Quyền của thành viên lập quỹ

a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho nhà đầu tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định tại Điều 12 Thông tư này. Quy định này chỉ áp dụng đối với thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;

b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với quỹ ETF, thông qua công ty quản lý quỹ, theo cơ chế hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của mình lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại;

c) Được vay chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF; hoặc vay các lô chứng chỉ quỹ ETF để hoán đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay chứng khoán, chứng chỉ quỹ ETF này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

d) Được thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ ETF, chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm để thanh toán giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

3. Trách nhiệm của thành viên lập quỹ

a) Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua đại lý phân phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới công ty quản lý quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;

b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các nhà đầu tư. Lệnh giao dịch của nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính thành viên lập quỹ. Trong giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở Giao dịch Chứng khoán, thành viên lập quỹ phải thực hiện lệnh của nhà đầu tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của

chính mình để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư;

c) Bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý tách biệt tài sản của nhà đầu tư trên tài khoản của từng nhà đầu tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của nhà đầu tư;

đ) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ;

e) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;

g) Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành.

4. Trường hợp thanh lý hoặc ký mới hợp đồng thành viên lập quỹ, trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng hoặc ký mới hợp đồng với thành viên lập quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời gửi kèm biên bản thanh lý hoặc hợp đồng mới và công bố thông tin về việc thanh lý hợp đồng với thành viên lập quỹ hoặc bổ sung thành viên lập quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này.

5. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định, công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.

6. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán chứng chỉ quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán chứng chỉ quỹ ETF theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do Sở Giao dịch Chứng khoán xây dựng và ban hành.

Mục 2
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Điều 12. Giao dịch hoán đổi (giao dịch sơ cấp)

1. Giao dịch hoán đổi thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Chỉ áp dụng cho nhà đầu tư đáp ứng một số các điều kiện đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch, và áp dụng cho thành viên lập quỹ;

b) Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;

c) Tần suất giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ và được công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, nhưng tối thiểu không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng;

d) Đơn vị giao dịch là một lô chứng chỉ quỹ ETF. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và đã được công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ ETF, tuy nhiên phải bảo đảm một lô có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng lô chứng chỉ quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ và các đại lý phân phối;

đ) Lệnh giao dịch hoán đổi của thành viên lập quỹ và của nhà đầu tư được chuyển tới công ty quản lý quỹ và phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp đại lý phân phối, thành viên lập quỹ, công ty quản lý quỹ nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax thì phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:

- Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;

- Trước khi thực hiện, công ty quản lý quỹ phải xác nhận lại với thành viên lập quỹ và thành viên lập quỹ xác nhận lại với nhà đầu tư. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải cung cấp cho công ty quản lý quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do công ty quản lý quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập quỹ, bản cáo bạch;

e) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:

- Được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện tại ngày giao dịch hoán đổi kế tiếp hoặc bị hủy bỏ, tùy thuộc vào quy định tại điều lệ quỹ và đã được công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

- Được công ty quản lý quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, ngân hàng giám sát bảo đảm thành viên lập quỹ, nhà đầu tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán chứng chỉ quỹ ETF, số lượng chứng chỉ quỹ ETF còn lại của thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách là thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ;

g) Hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, và ngược lại, được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và quỹ ETF tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Việc chuyển khoản danh mục chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ ETF trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định rõ tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, phù hợp với hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và ngân hàng giám sát.

2. Quy trình giao dịch hoán đổi thực hiện như sau:

a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) lô chứng chỉ quỹ ETF. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ;

b) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển tới thành viên lập quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các đại lý phân phối) theo quy định tại điều lệ quỹ và các hướng dẫn tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ nhà đầu tư do đại lý phân phối, thành viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của nhà đầu tư được chuyển thẳng tới công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc tới ngân hàng giám sát;

Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư và của thành viên lập quỹ được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát theo quy

định tại điều lệ quỹ và tại hợp đồng lập quỹ. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sau đó chuyển lệnh tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

c) Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF vào tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều này; công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư;

d) Trong vòng tối đa hai (02) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

đ) Sau khi tiếp nhận lệnh của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra (thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán) khả năng thực hiện được lệnh của khách hàng bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:

a) Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Phần chênh lệch phát sinh được thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản tiền của quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán.

b) Khi hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ quỹ ETF mà công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng các chứng chỉ quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ tại ngày thanh toán hoặc bằng tiền theo quy định tại điều lệ quỹ.

4. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và đã được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền, hoặc bằng các tài sản khác cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối có trách nhiệm mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho nhà đầu tư.

5. Trường hợp quỹ ETF tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư, dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại ngày giao dịch hoán đổi), hoặc dẫn tới nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư đó thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có trách nhiệm thông báo cho công ty quản lý quỹ và yêu cầu công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

a) Trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư này;

b) Trường hợp hoán chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư dẫn tới nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư mà nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các nhà đầu tư này;

Việc thanh toán tiền cho các nhà đầu tư quy định tại khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

c) Trường hợp là các nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của nhà đầu tư đó, nhà đầu tư có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

6. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF từ nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Sở Giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;

b) Tổ chức phát hành của loại chứng khoán chiếm một tỷ trọng nhất định trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại điều lệ quỹ và được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán chiếm một tỷ trọng nhất định trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại điều lệ quỹ và công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

c) Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

d) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;

đ) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ và công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán. Công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

8. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, nhưng không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi gần nhất. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại điểm a, b khoản 6 Điều này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

9. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 8 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, công ty quản lý quỹ phải tổ chức đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư bằng văn bản về việc giải thể quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

10. Phí phát hành, phí mua lại (nếu có) áp dụng đối với thành viên lập quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch. Việc điều chỉnh phí trong phạm vi cho phép tại quy định này được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và các thành viên lập quỹ.

11. Phí phát hành, phí mua lại (nếu có) áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Việc tăng các mức phí chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, điều lệ quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức phí mới, thời điểm áp dụng và các tài liệu này đã được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 13. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở Giao dịch Chứng khoán (giao dịch thứ cấp)

1. Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ giao dịch chứng chỉ quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ ETF niêm yết;

c) Chứng chỉ quỹ ETF có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ quỹ ETF (bán chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ ETF (chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Số chứng chỉ quỹ ETF (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (số chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã thực hiện thành công trước đó.

Mục 3
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ETF

Điều 14. Danh mục và hoạt động đầu tư của quỹ ETF

1. Danh mục đầu tư của quỹ ETF phải phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này và bảo đảm mức sai lệch xác định theo điểm a khoản 3 Điều 10 không vượt quá mức sai lệch tối đa quy định tại điều lệ quỹ, quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.

2. Danh mục đầu tư của quỹ ETF bao gồm các chứng khoán cơ cấu trong danh mục của chỉ số tham chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ tại các ngân hàng thương mại đã được ban đại diện quỹ phê duyệt;

b) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; tín phiếu Kho bạc nhà nước;

c) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

d) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

đ) Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của quỹ ETF.

3. Cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ ETF phải phù hợp với các quy định tại điều lệ quỹ và phải bảo đảm

a) Không đầu tư vào quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;

d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

đ) Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;

e) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;

g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động của quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

5. Cơ cấu đầu tư của quỹ ETF quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thâu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;

c) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;

d) Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

đ) Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.

6. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này và tại điều lệ quỹ.

7. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

8. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 6

Điều 3 Thông tư này, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại gây ra cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian và kết quả khắc phục. Thông báo phải có ý kiến xác nhận của ngân hàng giám sát.

Điều 15. Giá trị tài sản ròng

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:

a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;

b) Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

2. Sổ tay định giá phải được ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ phê duyệt. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải được ban đại diện quỹ phê duyệt.

3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo nguyên tắc sau:

a) Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này và quy định nội bộ tại sổ tay định giá;

b) Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành;

c) Sau khi xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo kết quả để ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;

d) Ngay sau khi ngân hàng giám sát xác nhận, các giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở Giao dịch Chứng khoán, đại lý phân phối và thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo.

4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ hoặc trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán.

5. Công ty quản lý quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư này, không lớn hơn mức sai lệch cho phép quy định tại điều lệ quỹ, đã được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt và mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp vượt quá các mức nêu trên, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của công ty, giải thích lý do và điều chỉnh danh mục để khắc phục tình trạng đó trong các thời hạn quy định tại điều lệ quỹ và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng do ngân hàng giám sát thực hiện là phù hợp các quy định tại điều lệ quỹ và của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính đúng. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Sở Giao dịch Chứng khoán xác định và công bố thông tin về giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ.

7. Trong vòng ba (03) ngày, kể từ ngày giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong sáu (06) tháng liên tục thì công ty quản lý quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể quỹ theo quy định tại Điều 20 Thông tư này.

Điều 16. Phân chia lợi nhuận của quỹ ETF

1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được đại hội nhà đầu tư

gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo thanh toán lợi tức phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định tại phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

a) Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và đã công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

b) Thực hiện sau khi quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);

c) Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

d) Mức chi trả lợi tức do đại hội nhà đầu tư hoặc ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của quỹ;

đ) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

4. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chi trả ngay cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản của chính các tổ chức, cá nhân này theo chỉ thị của công ty quản lý quỹ.

Điều 17. Chi phí hoạt động của quỹ ETF

1. Chi phí hoạt động của quỹ ETF bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế dưới đây:

a) Phí quản lý tài sản trả cho công ty quản lý quỹ;

b) Phí trả cho thành viên lập quỹ;

c) Phí lưu ký tài sản quỹ, phí giám sát trả cho ngân hàng giám sát;

d) Phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

đ) Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;

e) Phí giao dịch, bao gồm chi phí môi giới, phí chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);

g) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ;

h) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ;

i) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hàng năm, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của quỹ là tổng giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các ngày định giá trong kỳ đó chia cho số ngày định giá chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

3. Công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ, không bao gồm các ấn phẩm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.

Mục 4
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ, BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, đại hội nhà đầu tư

1. Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư tham gia vào quỹ ETF thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

2. Quyền, nghĩa vụ, trình tự, thủ tục, điều kiện triệu tập đại hội nhà đầu tư, thể thức lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở; quy định của pháp luật chứng khoán và doanh nghiệp về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và được đại hội nhà đầu tư gần nhất cho phép thực hiện, công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư thường niên bằng văn bản theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

Điều 19. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ đại diện cho nhà đầu tư, được bầu tại các cuộc họp đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Ban đại diện quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) là các thành viên không phải là người có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát. Mỗi thành viên ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

2. Trong ban đại diện quỹ phải có thành viên có trình độ, chuyên môn về pháp luật và thành viên độc lập có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, số lượng thành viên, việc đề cử, ứng cử, bầu cử, bổ sung thành viên ban đại diện quỹ; quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ thành viên ban đại diện quỹ; trình tự, thủ tục, điều kiện triệu tập họp và lấy ý kiến ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với hoạt động của quỹ ETF và các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

Mục 5
GIẢI THỂ QUỸ ETF

Điều 20. Giải thể quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà ban đại diện quỹ không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;

d) Quỹ hủy niêm yết;

đ) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ, hoặc đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của điều lệ quỹ.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này, hoặc ba (03) tháng trước ngày tiến hành giải thể quỹ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có công ty quản lý quỹ) triệu tập đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể quỹ.

3. Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản quỹ và phân chia tài sản quỹ cho nhà đầu tư theo phương án đã được đại hội nhà đầu tư thông qua. Trường hợp quỹ giải thể theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thanh lý, phân chia tài sản quỹ.

5. Trừ trường hợp đại hội nhà đầu tư có quyết định khác, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát không được:

a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho quỹ;

b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của quỹ;

c) Tặng, cho tài sản của quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của quỹ mà không thực hiện bù trừ;

đ) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của quỹ.

6. Tài sản của quỹ đang giải thể bao gồm:

a) Tài sản và quyền về tài sản mà quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể;

b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm quỹ buộc phải giải thể;

c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.

7. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục cơ cấu cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư tại quỹ theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều này.

8. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng chứng chỉ quỹ quá nhỏ theo quy định tại điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán tiền cho nhà đầu tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được đại hội nhà đầu tư thông qua.

9. Tài sản từ việc thanh lý quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

b) Các khoản phải trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể quỹ. Trong trường hợp quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, quỹ không phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát các khoản phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư.

10. Kết quả thanh lý tài sản của quỹ phải được xác nhận bởi ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập được đại hội nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc ban đại diện quỹ thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

Điều 21. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ

(trong trường hợp không có công ty quản lý quỹ) phải thông báo việc giải thể quỹ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Tài liệu thông báo việc giải thể quỹ bao gồm:

a) Thông báo về việc giải thể quỹ bao gồm các nội dung theo quy định tại phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng tại ngày giải thể và trong thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản;

c) Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ (nếu có) và ngân hàng giám sát về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ.

3. Sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày gửi thông báo, nếu Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không có ý kiến về việc giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này. Đồng thời, công ty quản lý quỹ tiến hành thực hiện trình tự, thủ tục hủy niêm yết tự nguyện, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ theo hướng dẫn của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

4. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, phí quản lý, phí giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu phí đã được đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một chứng chỉ quỹ, danh mục tài sản còn lại chưa kịp phân phối cho nhà đầu tư theo mẫu quy định tại phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo báo cáo về tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn mười năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu không có công ty quản lý quỹ) có trách nhiệm công bố thông tin về việc hoàn tất thanh lý, phân phối và giải thể quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả giải thể quỹ bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo có xác nhận của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc ban đại diện quỹ (nếu có) về việc thanh lý các tài sản của quỹ, việc trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đối với các chủ nợ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ khác, kể cả các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Báo cáo phải đính kèm danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, kể cả các khoản nợ về thuế;

b) Báo cáo kết quả giải thể, thanh lý tài sản của quỹ có xác nhận của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc ban đại diện quỹ (nếu có) về tiến trình thanh lý tài sản, phương thức thanh lý và phân chia tài sản; tổng giá trị tài sản thu được sau khi thanh lý; tổng nợ phải thanh toán và phần tài sản còn lại để phân phối cho các nhà đầu tư theo mẫu quy định tại phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp quỹ phân chia tài sản không phải là tiền, tài liệu bổ sung bao gồm xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký chứng khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ;

c) Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;

d) Báo cáo thẩm định kết quả thanh lý tài sản của tổ chức kiểm toán được đại hội nhà đầu tư chỉ định hoặc của ban đại diện quỹ (nếu có);

đ) Xác nhận của nhà đầu tư về việc nhận đầy đủ tiền và tài sản theo đúng phương án giải thể quỹ.

6. Trường hợp thông báo kết quả giải thể không chính xác, có tài liệu giả mạo, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, những tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chương III
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

Điều 22. Quy định về hoạt động liên quan của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có quyền và trách nhiệm sau:

a) Hướng dẫn việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại;

b) Thực hiện chuyển nhượng ngoài hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán khi thực hiện hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại;

c) Hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, phân bổ chứng chỉ quỹ ETF;

d) Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động, cung cấp thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán về các hoạt động phát hành thêm, mua lại chứng chỉ quỹ ETF;

đ) Giám sát hoạt động vay, cho vay chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF của thành viên lập quỹ trên hệ thống của mình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này; giám sát bảo đảm thành viên lập quỹ có đủ chứng khoán để thanh toán khi thực hiện các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

e) Được cung cấp các dịch vụ cho quỹ ETF theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư này;

g) Trung tâm Lưu ký Chứng khoán được thu phí chuyển nhượng chứng khoán cho các giao dịch hoán đổi với mức phí tối đa là 0,1% giá trị chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo mệnh giá. Phí chuyển nhượng chứng khoán do hoán đổi danh mục chỉ thu đối với nhà đầu tư thực hiện hoán đổi và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thu qua thành viên nơi nhà đầu tư đề nghị hoán đổi mở tài khoản và lưu ký chứng khoán cơ cấu. Đối với các dịch vụ theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư này, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán được thu phí dịch vụ theo thỏa thuận với công ty quản lý quỹ;

h) Hướng dẫn thành viên lập quỹ trong hoạt động vay, cho vay chứng chỉ quỹ ETF, chứng khoán cơ cấu trong các giao dịch hoán đổi.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán có quyền và trách nhiệm

a) Xây dựng, duy trì, quản lý chỉ số thị trường làm chỉ số tham chiếu của quỹ ETF và được thu phí quản lý chỉ số theo quy định;

b) Hướng dẫn việc niêm yết, hủy niêm yết, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;

c) Xây dựng quy chế về hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường; giám sát hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường đối với các nội dung sau:

- Khối lượng giao dịch tối thiểu, tối đa (nếu có);

- Mức trần chênh lệch giá giữa giá yết chào bán và giá yết chào mua;

- Thời gian tối thiểu tham gia tạo lập thị trường và các hệ số hoạt động;

- Nghĩa vụ và nội dung báo cáo định kỳ hàng tháng về hoạt động tạo lập thị trường;

d) Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán để giám sát, chia sẻ thông tin về các giao dịch của thành viên lập quỹ bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

đ) Cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu cho công ty quản lý quỹ;

e) Cung cấp các dịch vụ khác trên cơ sở hợp đồng ký với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ.

Điều 23. Quy định về ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát do công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

2. Hoạt động lưu ký, giám sát của ngân hàng giám sát; việc thay đổi, chấm dứt, bàn giao quyền trách nhiệm của ngân hàng giám sát thực hiện theo các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

Chương IV
NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 24. Thông tin cho nhà đầu tư và nghĩa vụ báo cáo của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi nhà đầu tư thống kê giao dịch và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ theo mẫu tại phụ lục số 14 và phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của nhà đầu tư.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư:

a) Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;

b) Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ bán niên và cả năm, bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm, theo mẫu quy định tại phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, hàng tháng, bán niên và cả năm, theo mẫu quy định tại phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo sau

a) Báo cáo định kỳ hàng tháng, bán niên và cả năm về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ ETF theo mẫu quy định tại phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ ETF định kỳ hàng tháng, bán niên và cả năm theo mẫu quy định tại phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo về các giao dịch tài sản của quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm, theo mẫu quy định tại phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và hàng năm, theo mẫu quy định tại phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư hoặc các hình thức khác quy định tại điều lệ quỹ và công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt.

5. Nhà đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu, công ty quản lý quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của quỹ.

6. Thời hạn nộp các báo cáo

a) Đối với báo cáo tháng, trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc tháng;

b) Đối với báo cáo quý, trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc quý;

c) Đối với báo cáo bán niên, trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý nửa năm tài chính;

d) Đối với báo cáo năm, trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

7. Ngoài các trường hợp báo cáo quy định tại Điều này, trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích nhà đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể yêu cầu công ty quản lý quỹ báo cáo về hoạt động của quỹ.

8. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo quy định tại khoản 5 Điều này.

9. Báo cáo gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử.

Điều 25. Nghĩa vụ báo cáo của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát lập và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo giám sát tháng, quý, năm về hoạt động quản lý tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện theo mẫu quy định tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo giám sát của ngân hàng giám sát phải đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ như sau:

a) Đánh giá tính tuân thủ của công ty quản lý quỹ trong hoạt động đầu tư, giao dịch của các quỹ;

b) Đánh giá việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, trong đó nêu chi tiết những trường hợp định giá sai tài sản của quỹ (nếu có);

c) Hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu (phát hành, mua lại các lô chứng chỉ quỹ);

d) Các vi phạm (nếu có) của công ty quản lý quỹ và kiến nghị hướng giải quyết, khắc phục.

2. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi vi phạm được phát hiện trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Thiệt hại từ hoạt động quản lý tài sản do công ty quản lý quỹ gây ra là quá lớn và chi phí giải quyết hậu quả là quá cao;

c) Các trường hợp khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 26. Công bố thông tin

1. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Sở Giao dịch Chứng khoán các thông tin sau:

a) Danh mục chứng khoán cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi;

b) Số lô chứng chỉ quỹ ETF đã phát hành, đã mua lại từ các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; chênh lệch so với ngày giao dịch hoán đổi trước đó;

c) Thông tin về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán; thông tin về biến động giá giao dịch chứng chỉ quỹ ETF, giá đóng cửa cuối ngày của chứng chỉ quỹ ETF, biến động giá so với ngày giao dịch trước đó;

d) Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và biến động các giá trị này; biến động giá trị tài sản ròng tham chiếu trong ngày; chỉ số tham chiếu và biến động của chỉ số tham chiếu;

đ) Việc tạm ngừng nhận và thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi (nếu có);

e) Sai lệch của cơ cấu đầu tư và việc điều chỉnh lại danh mục chứng khoán cơ cấu đầu tư (nếu có);

g) Việc định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ (nếu có);

h) Giải thể quỹ (nếu có);

i) Thay thế ngân hàng giám sát (nếu có);

j) Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có);

k) Các thông tin khác nếu có liên quan (nếu có).

2. Định kỳ hàng tuần, công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error - TE).

3. Định kỳ tối thiểu một lần hàng quý, công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của công ty danh mục đầu tư của quỹ ETF theo quy định tại điều lệ quỹ.

4. Định kỳ sáu (06) tháng, cả năm, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty các nội dung sau:

a) Thông tin về hiệu quả hoạt động của quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu (nếu có); thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có);

b) Tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ ETF;

c) Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm.

5. Trong hoạt động giao dịch chứng khoán, quỹ ETF phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan theo quy định về công bố thông trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính, trừ các giao dịch hoán đổi với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán xây dựng các quy trình nghiệp vụ, quy chế hoạt động, phối hợp cung cấp dịch vụ có liên quan theo quy định tại Điều 22 Thông tư này và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi thực hiện.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quỹ ETF có trách nhiệm tổ chức thực hiện./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục số 01
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Chúng tôi là:

- Công ty quản lý quỹ: (tên công ty)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số..... do Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày..... tháng..... năm.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....

Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ với các nội dung sau:

1. Thông tin về quỹ đầu tư

- Tên của quỹ (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có))
- Mục tiêu đầu tư của quỹ:

.....

- Chiến lược đầu tư của quỹ:

.....

- Chỉ số tham chiếu:

.....

- Nơi niêm yết:

.....

2. Loại hình quỹ (*quỹ đóng, quỹ mở, quỹ ETF*):
3. Thời hạn hoạt động (*nếu có*):
4. Số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô:
5. Mệnh giá chứng chỉ quỹ:
6. Tổng số lô chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán:
7. Tổng số lô chứng chỉ quỹ tối đa lưu hành (*nếu có*):

II. Thông tin về các bên liên quan: (*ngân hàng giám sát, tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có)…*)

1. Ngân hàng giám sát

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:.....

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có)

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

3. Thành viên lập quỹ

- Tên công ty chứng khoán/tên ngân hàng lưu ký (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày..../Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do.... cấp.... ngày....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:.....

4. Tổ chức tạo lập thị trường (nếu có)

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:.....

5. Đại lý phân phối

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

Chúng tôi đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là chính xác, đầy đủ và đúng sự thật, không có thông tin giả mạo hoặc chưa đầy đủ có thể làm cho người mua chứng chỉ quỹ chịu thiệt hại.

Chúng tôi cam kết:

Nghiên cứu và nghiêm chỉnh tuân theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Không công bố thông tin dưới mọi hình thức về việc chào bán chứng chỉ quỹ trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Hồ sơ gửi kèm *(Liệt kê đầy đủ)*	**(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 02

MẪU THÔNG BÁO CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

THÔNG BÁO CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

....,. ngày..... tháng..... năm.....

1. Công ty quản lý quỹ:

- Tên công ty (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

2. Ngân hàng giám sát:

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do NHNN cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

3. Thành viên lập quỹ:

- Tên công ty chứng khoán/tên ngân hàng lưu ký (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...../Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do..... cấp.... ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

4. Tổ chức tạo lập thị trường (nếu có)

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

5. Đại lý phân phối

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:.....

6. Chứng chỉ quỹ chào bán

- Tên quỹ ETF (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Chỉ số tham chiếu:

- Nơi niêm yết:

- Số lượng lô chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán:

- Số lượng lô chứng chỉ quỹ chào bán tối thiểu (nếu có):

- Mệnh giá một chứng chỉ:

- Giá chào bán hoặc công thức xác định giá chào bán:

- Số lượng lô chứng chỉ quỹ đăng ký mua tối thiểu (nếu có):

7. Hiệu lực đăng ký chào bán *(90 ngày, kể từ ngày chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực)*

Từ ngày.../...../..... tới ngày...../...../.....

8. Thời hạn nhận đăng ký mua/thanh toán: từ ngày...../...../... tới ngày..../..../.....

(*Tối thiểu 20 ngày và trong thời hạn giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực*)

9. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng chỉ quỹ ETF (địa điểm phân phối):

10. Ngân hàng giám sát mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng chỉ quỹ ETF:

11. Hình thức thanh toán:

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 03

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số..... ngày.... tháng..... năm.....)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Công ty quản lý quỹ:
- Tên công ty quản lý quỹ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại, fax:
2. Ngân hàng giám sát:
- Tên ngân hàng giám sát:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại, fax:
3. Chứng chỉ quỹ chào bán:
- Tên quỹ:
- Tên chứng chỉ quỹ chào bán:
- Loại chứng chỉ quỹ chào bán:
- Mệnh giá:
- Giá phát hành:
- Số lượng lô chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán:
- Ngày bắt đầu chào bán:
- Ngày kết thúc chào bán:
- Thời hạn đăng ký mua: từ ngày.... đến ngày....
4. Tên tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có)
- Tên tổ chức bảo lãnh phát hành chính:
- Tên các tổ chức bảo lãnh phát hành khác và số lượng chứng chỉ cam kết bảo lãnh:
- Phí bảo lãnh phát hành:
5. Đại lý phân phối
- Tên đại lý phân phối:
- Địa chỉ:

6. Tổng hợp kết quả chào bán lô chứng chỉ quỹ

a) Tổng số lô chứng chỉ quỹ đã phân phối:...., chiếm....% tổng số lô chứng chỉ quỹ được phép chào bán, trong đó:

- Số lượng lô ETF phát hành cho nhà đầu tư góp vốn bằng tiền:..... giá trị tiền đã góp..... (đối với nhà đầu góp vốn bằng tiền (nếu có)

- Số lượng lô ETF phát hành cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư góp vốn bằng danh mục cơ cấu:.....

b) Tổng số vốn thu được từ việc chào bán chứng chỉ quỹ (*tính theo giá trị tài sản ròng tại thời điểm kết thúc đợt chào bán*):

c) Tổng chi phí:..... đồng

- Phí bảo lãnh phát hành

- Phí trả cho đại lý phân phối

- Phí khác

7. Danh sách thành viên lập quỹ, nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ (*kèm theo xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán*)

STT	Tên thành viên lập quỹ, nhà đầu tư	Số CMTND/ Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với cá nhân)	Số Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động (đối với tổ chức)	Địa chỉ liên lạc/ Trụ sở chính	Số tài khoản lưu ký chứng khoán	Số lượng lô ETF đã đăng ký mua	Số lượng lô ETF được phân phối
I	**Thành viên lập quỹ**						
1	…						
2	…						
3	…						
II	**Nhà đầu tư**						
1	…						
2	…						
3	…						

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 04
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ ETF

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Tên công ty quản lý quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ với nội dung sau:

1. Thông tin về quỹ ETF

a) Tên của quỹ *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh)*:

b) Chỉ số tham chiếu:

c) Vốn điều lệ:

2. Ngân hàng giám sát:

3. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ:

4. Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có):

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung giấy đề nghị và hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động quỹ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo	**(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ**
(Liệt kê đầy đủ)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 05

NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

1. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

a) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;

b) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư;

c) Các khoản mục định giá (bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời.

d) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);

đ) Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định;

e) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;

g) Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá;

h) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ.

i) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với Ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

2. Ngân hàng giám sát

a) Ngân hàng giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng công ty quản lý quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được công ty quản lý quỹ ủy quyền thực hiện các hoạt động này;

b) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với công ty quản lý quỹ có hiệu lực;

c) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân hàng giám sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của công ty quản lý quỹ không đáp ứng yêu cầu;

d) Ngân hàng giám sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác

a) Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;

b) Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ;

A. Giá trị tài sản tài chính

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
6	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	- Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
8	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		+ Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Chứng khoán phái sinh		
9	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
10	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Các tài sản khác		
11	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;

- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuteurs/ Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;

- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ/chấp thuận

3. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Phụ lục số 06
MẪU THÔNG BÁO GIẢI THỂ QUỸ ETF
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO GIẢI THỂ QUỸ ETF

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Công ty quản lý quỹ

- Tên Công ty quản lý quỹ (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa):
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....

2. Ngân hàng giám sát

- Tên Ngân hàng giám sát (tên đầy đủ và chính thức của ngân hàng ghi bằng chữ in hoa):
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, giám sát số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....

3. Ngày lập thông báo

Công ty quản lý quỹ/ngân hàng giám sát xin thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc giải thể quỹ như sau:

- Tên quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):…….
- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....:
- Vốn điều lệ:
- Thời hạn hoạt động:
- Lý do giải thể:
- Ngày dự kiến hủy niêm yết:
- Hình thức thanh lý và phân phối tài sản:
- Thời hạn thanh lý tài sản quỹ:

Thời hạn thanh lý tài sản không được vượt quá..... tháng, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định giải thể.

Hồ sơ kèm theo *(Liệt kê đầy đủ)*	**(Tổng) Giám đốc** **Công ty quản lý quỹ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Đại diện có thẩm quyền** **của Ngân hàng giám sát** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 07

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI THỂ, THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ VIỆC GIẢI THỂ, THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ ETF

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện phương án giải thể quỹ hoán đổi danh mục đã được đại hội nhà đầu tư thông qua ngày..../..../..... công ty quản lý quỹ/ngân hàng giám sát báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả giải thể quỹ như sau:

1. Công ty quản lý quỹ

- Tên công ty quản lý quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:.....

2. Ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký:

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do NHNN cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:.....

3. Ngày lập thông báo:

4. Thông tin về quỹ ETF bị giải thể:

- Tên quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):.....

- Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ số:.....

- Vốn điều lệ:

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: (tính tại thời điểm đại hội nhà đầu tư của quỹ ETF thông qua quyết định giải thể):

- Giá trị tài sản ròng (tính tại thời điểm đại hội nhà đầu tư của quỹ ETF khoán thông qua quyết định giải thể):

- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (tính tại thời điểm đại hội nhà đầu tư của quỹ ETF thông qua quyết định giải thể):

- Thời hạn hoạt động của quỹ ETF:

- Lý do giải thể:

- Ngày thực hiện giải thể:

5. Báo cáo việc thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về việc thanh lý tài sản, giải thể quỹ ETF

6. Báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ nợ và tài sản của quỹ ETF

- Tình hình thực hiện các nghĩa vụ tài chính, thuế đối với Nhà nước;

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ nợ và tài sản đối với các chủ nợ (đính kèm danh sách);

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ nợ và tài sản đối với những người có quyền lợi liên quan tới quỹ (đính kèm danh sách);

- Tổng nợ phải thanh toán;

- Phần tài sản còn lại để phân phối cho các nhà đầu tư.

7. Báo cáo về việc thanh lý tài sản quỹ ETF:

- Phương thức thanh lý;

- Hoạt động thanh lý tài sản, chi phí thanh lý, ngày hoàn tất việc thanh lý tài sản;

- Tổng giá trị tài sản thu được sau thanh lý;

- Giá trị thanh lý trên một chứng chỉ quỹ phải trả cho nhà đầu tư;

- Các thông tin khác có liên quan.

8. Cam kết sau khi hoàn tất các thủ tục giải thể:

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực về nội dung báo cáo và các tài liệu đính kèm;

- Cam kết thực hiện thủ tục giải thể đúng theo quy định pháp luật hiện hành;

- Cung cấp văn bản pháp luật và các tài liệu có liên quan đến việc giải thể theo yêu cầu.

Nay chúng tôi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả của việc thực hiện quyết định giải thể và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hệ quả phát sinh bất kỳ liên quan đến việc giải thể của quỹ trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày ký báo cáo này.

Hồ sơ kèm theo *(Liệt kê đầy đủ)*	**(Tổng) Giám đốc** **Công ty quản lý quỹ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Đại diện có thẩm quyền** **của Ngân hàng giám sát** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Xác nhận của Tổ chức **kiểm toán độc lập** *(Nếu có)* *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Xác nhận của Chủ tịch** **ban đại diện quỹ** *(Nếu có)*

Phụ lục số 08
MẪU ĐIỀU LỆ QUỸ ETF
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

ĐIỀU LỆ QUỸ ETF

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán
2. Nghị định...
3. Quyết định....

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ hoán đổi danh mục."	Là một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán.
"Công ty quản lý quỹ"	(Sau đây gọi tắt là công ty quản lý quỹ...), được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số..... thực hiện các ngành nghề kinh doanh như..... Công ty quản lý quỹ được nhà đầu tư ủy thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại.... Điều lệ này.
"Thành viên lập quỹ"	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập quỹ ETF với công ty quản lý quỹ.
"Tổ chức tạo lập thị trường"	Là thành viên lập quỹ được công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ ETF.
"Ngân hàng lưu ký"	Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
"Ngân hàng giám sát"	Là ngân hàng lưu ký có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ ETF của công ty quản lý quỹ.

"Tổ chức kinh doanh chứng khoán"	Là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài.
"Công ty kiểm toán"	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán), là công ty kiểm toán độc lập của quỹ..., thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của quỹ... theo Quyết định số... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
"Điều lệ quỹ"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có)
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng chỉ quỹ của quỹ
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi đại hội nhà đầu tư của quỹ...
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ...
"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến quỹ đầu tư... Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của quỹ đầu tư....
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của quỹ đầu tư...., công ty quản lý quỹ.... và ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ quỹ"	Là giá trị tài sản ròng của quỹ ETF tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong điều lệ quỹ.
"Chứng chỉ quỹ"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ ETF. Mệnh giá chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.

"Lô chứng chỉ quỹ"	Một lô chứng chỉ quỹ ETF bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa quỹ ETF và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.
"Phí phát hành"	Là phí mà quỹ đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng. Phí này được cộng vào mệnh giá một chứng chỉ quỹ và thu khi phát hành và không vượt quá mức tối đa là...% mệnh giá chứng chỉ quỹ.
"Lợi tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày… tháng…..... đến hết ngày..…... tháng…... năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của quỹ đầu tư... sẽ được tính từ ngày quỹ đầu tư được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày..... tháng..... năm.....
"Chỉ số tham chiếu"	Là chỉ số thị trường do Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam xây dựng và quản lý.
"Chứng khoán cơ cấu"	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu.
"Danh mục chứng khoán cơ cấu"	Là danh mục bao gồm chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF.
"Đại lý phân phối"	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ ETF với công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ.
"Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ"	Là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được xác định trong phiên giao dịch.

"Ngày định giá"	Là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF theo quy định tại Luật Chứng khoán.
"Người có liên quan"	Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán
"Ngày giao dịch hoán đổi"	Là ngày định giá mà quỹ ETF, thông qua công ty quản lý quỹ, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ quỹ ETF từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối, thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại điều lệ quỹ, công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ ETF niêm yết.
"Lệnh giao dịch hoán đổi"	Lệnh giao dịch hoán đổi bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành lô chứng chỉ quỹ ETF, và lệnh bán trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Giới thiệu tên và địa chỉ

- Tên quỹ đầu tư:
- Tên giao dịch:
- Tên viết tắt:
- Địa chỉ liên hệ:

Điều 2. Thời hạn hoạt động của quỹ

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lô chứng chỉ quỹ ETF chào bán

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Ngân hàng giám sát:
- Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư
2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư:

- Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm;
- Các lĩnh vực đầu tư cụ thể bao gồm:.....

3. Danh mục đầu tư của quỹ ETF

Điều 10. Hạn chế đầu tư

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu
4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu
5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ khác

Chương III
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Điều 12. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của quỹ..... có thể là pháp nhân hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là…. lô chứng chỉ quỹ…. trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà đầu tư là pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là pháp nhân ký.

3. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền:

2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:

Điều 14. Tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với nhà đầu tư

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm lập sổ đăng ký nhà đầu tư và xác nhận quyền sở hữu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đối với số chứng chỉ quỹ ETF đã đăng ký mua. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải ghi đúng, đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;

b) Tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và giá trị vốn huy động được;

c) Danh sách thành viên lập quỹ, nhà đầu tư kèm theo các thông tin: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, số giấy phép thành lập và hoạt động, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán; số lượng lô ETF đăng ký sở hữu; kèm theo xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào quỹ ETF.

d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thực hiện đăng ký, lưu ký các lô ETF cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tại Trung tâm lưu ký chứng khoán. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các lô ETF thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

3. Số lượng các lô ETF được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được Trung tâm lưu ký chứng khoán tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại

1. Việc hoán đổi danh mục cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF áp dụng cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Áp dụng cho nhà đầu tư đáp ứng một số các điều kiện đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch, và cho thành viên lập quỹ;

b) Giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư chỉ được thực hiện thông qua thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;

c) Tần suất giao dịch hoán đổi thực hiện tối thiểu không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng;

d) Đơn vị giao dịch tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ ETF. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ ETF, tuy nhiên phải bảo đảm một lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn 100.000 chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng lô chứng chỉ quỹ mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán, công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ và các đại lý phân phối (nếu có);

đ) Lệnh giao dịch hoán đổi của thành viên lập quỹ ETF và của nhà đầu tư được chuyển tới công ty quản lý quỹ và phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp đại lý phân phối, thành viên lập quỹ ETF, công ty quản lý quỹ nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax thì phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:

- Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;

- Trước khi thực hiện, công ty quản lý quỹ phải xác nhận lại với thành viên lập quỹ ETF và thành viên lập quỹ ETF xác nhận lại với nhà đầu tư. Thành viên lập quỹ ETF, nhà đầu tư phải cung cấp cho công ty quản lý quỹ phiếu lệnh gốc có chữ

ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do công ty quản lý quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập quỹ, bản cáo bạch;

e) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:

- Được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện như sau:.....;

- Được công ty quản lý quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, ngân hàng giám sát bảo đảm thành viên lập quỹ, nhà đầu tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán chứng chỉ quỹ ETF, số lượng chứng chỉ quỹ ETF còn lại của thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách là thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ;

g) Hoạt động hoán đổi danh mục cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và quỹ ETF tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

3. Danh mục cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:

a) Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Phần chênh lệch phát sinh được thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản tiền của quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của chứng khoán cơ cấu và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan;

b) Khi hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ quỹ ETF mà công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng các chứng chỉ quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ tại ngày thanh toán hoặc bằng tiền theo quy định tại điều lệ quỹ.

4. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và đã được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền, hoặc bằng các tài sản khác cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, đại lý phân

phối có trách nhiệm mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho nhà đầu tư. Cơ chế thanh toán, tỷ lệ ký quỹ, việc bổ sung ký quỹ của nhà đầu tư đối với thành viên lập quỹ, đại lý phân phối trong thời gian các tổ chức này thực hiện việc mua gom chứng khoán cơ cấu để hoán đổi thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ đã công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt.

5. Trường hợp quỹ ETF tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư, dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại ngày giao dịch hoán đổi), hoặc dẫn tới nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư đó thì Trung tâm lưu ký chứng khoán có trách nhiệm thông báo cho công ty quản lý quỹ và yêu cầu công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ ETF, nhà đầu tư thực hiện:

a) Trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư này;

b) Trường hợp hoán chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư dẫn tới nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư mà nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các nhà đầu tư này;

Việc thanh toán tiền cho các nhà đầu tư quy định tại khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

c) Trường hợp là các nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của nhà đầu tư đó, nhà đầu tư có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

6. Công ty quản lý có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF từ nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi danh mục ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

8. Thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ:

9. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 7 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp bất thường để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

10. Phí phát hành, phí mua lại

a) Áp dụng đối với thành viên lập quỹ ETF:

b) Áp dụng đối với nhà đầu tư:

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán

1. Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ giao dịch chứng chỉ quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ ETF niêm yết;

c) Chứng chỉ quỹ ETF có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ quỹ ETF (bán chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ ETF (chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Số chứng chỉ quỹ ETF (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (số chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 18. Giá phát hành, giá mua lại

Điều 19. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Chương IV
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của quỹ đầu tư. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

2. Đại hội nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong vòng ba mươi..... ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

3. Đại hội nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất.....% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất..... tháng liên tục tính tới thời điểm yêu cầu triệu tập đại hội nhà đầu tư, hoặc một tỷ lệ nhỏ hơn theo quy định tại điều lệ quỹ;

c) Các trường hợp khác.

4. Việc tổ chức Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng..... ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Chậm nhất..... ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải thông báo công khai cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội nhà đầu tư

1. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát, trừ trường hợp sửa đổi bổ sung các nội dung do có sự thay đổi quy định pháp lý hoặc do lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm; quyết định thanh lý, giải thể quỹ;

2. Quyết định các thay đổi chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; phương án phân phối lợi nhuận; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

3. Giải thể quỹ;

4. Quyết định tổng số lô chứng chỉ quỹ được phép chào bán, phương án điều chỉnh vốn điều lệ quỹ;

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Ban đại diện quỹ (nếu có) hoặc thành viên của Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ.

6. Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ.

7. Các quyền khác theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán và theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ quỹ.

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất..... ngày trước khi tiến hành Đại hội.

2. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất.....% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn..... ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

4. Trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư thường niên hoặc buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến về các vấn đề quy định tại khoản..... Điều 21 Điều lệ này, công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư.

5. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

6. Thể thức, hình thức họp Đại hội nhà đầu tư.

Điều 23. Thông qua Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có)

cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại hội nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức biểu quyết khác do Điều lệ quỹ quy định.

3. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất.....% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết thông qua;

b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua không ít hơn.....% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

4. Đối với các nội dung quy định tại khoản..... Điều 21 Điều lệ này, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất.....% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết;

b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua không ít hơn.....% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

5. Trường hợp cuộc họp Đại hội nhà đầu tư tổ chức theo quy định tại khoản..... Điều 21 và số nhà đầu tư tham dự Đại hội đại diện cho dưới.....% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành, thì quyết định được thông qua khi đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại.....

6. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này, quyết định được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất.....% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua.

7. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lại lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

8. Trong vòng..... ngày sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, công ty quản lý quỹ, ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho ngân hàng giám sát, cung cấp cho nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

Chương V
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban đại diện quỹ

Ban đại diện quỹ đại diện cho nhà đầu tư, được bầu tại các cuộc họp đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Ban đại diện quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) là các thành viên không phải là người có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban đại diện quỹ

Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ, pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở; pháp luật chứng khoán và doanh nghiệp về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

Quyền và nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở; quy định của pháp luật về chứng khoán và doanh nghiệp về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện quỹ (nếu có)

Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

Điều 29. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu..... hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước..... ngày.

3. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu..... thành viên dự họp, trong đó số các thành viên độc lập phải chiếm từ.....% trở lên. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được từ.....% trở lên số thành viên dự họp và từ.....% trở lên số thành viên độc lập thông qua.

Điều 30. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên ban đại diện quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ.

Chương VI
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền sau

2. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ sau

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Chương VII
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát có quyền sau

2. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ sau

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng giám sát

Hoạt động lưu ký, giám sát của ngân hàng giám sát; việc thay đổi, chấm dứt, bàn giao quyền trách nhiệm của ngân hàng giám sát thực hiện theo các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

Chương VIII
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Điều 39. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày..... tháng..... đến hết ngày..... tháng..... năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của quỹ sẽ được tính từ ngày quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày..... tháng..... năm.....

Điều 40. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến công tác kế toán cho quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Chương IX
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 41. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:

a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;

b) Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

2. Sổ tay định giá phải được ngân hàng giám sát xác nhận và ban đại diện quỹ phê duyệt. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải được ban đại diện quỹ phê duyệt.

3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty hoặc trên hệ thống của sở giao dịch chứng khoán.

5. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát hoặc Sở giao dịch chứng khoán xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ.

6. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng do ngân hàng giám sát thực hiện là phù hợp các quy định tại điều lệ quỹ và của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính đúng. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Sở Giao dịch Chứng khoán xác định và công bố thông tin về giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ.

7. Trong vòng ba (03) ngày, kể từ ngày giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong sáu (06) tháng liên tục thì công ty quản lý quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể quỹ theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

Điều 42. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Điều 43. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

Chương X
LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 44. Thu nhập của quỹ

Điều 45. Phân chia lợi nhuận của quỹ

1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định tại phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

a) Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và đã công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

b) Thực hiện sau khi quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);

c) Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

d) Mức chi trả lợi tức do đại hội nhà đầu tư hoặc ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của quỹ;

đ) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

4. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chi trả ngay cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản của chính các tổ chức, cá nhân này theo chỉ thị của công ty quản lý quỹ.

Điều 46. Chi phí hoạt động của quỹ

1. Chi phí hoạt động của quỹ bao gồm các khoản chi phí sau thuế sau:

- Chi phí quản lý tài sản trả cho công ty quản lý quỹ;

- Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;

- Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có) phù hợp với quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành;

- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;

- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ;

- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ;

- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

2. Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm.

Điều 47. Chi phí khác (bao gồm lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác cho các thành viên Ban đại diện quỹ, phí kiểm toán, phí định giá và các chi phí khác)

Chương XI
GIẢI THỂ QUỸ

Điều 48. Các điều kiện giải thể quỹ

Điều 49. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ

Chương XII
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 50. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa quỹ và các quỹ, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ và giữa quỹ và công ty quản lý quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do công ty quản lý;

b) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XIII
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 51. Công bố thông tin

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Điều 53. Đăng ký điều lệ

Điều 54. Điều khoản thi hành

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

Phụ lục 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Phụ lục 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục 1.1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ:....

Số Giấy phép thành lập và hoạt động:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày,...

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF…:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.

2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

3. Đảm bảo quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.

4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:

a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;

b) Các báo cáo liên quan đến quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của quỹ;

c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ;

d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.

6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.

8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.

9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.

10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát:.....

Số Giấy phép hoạt động:..... do..... cấp ngày.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:..... do UBCKNN cấp ngày…..

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.

2. Đảm bảo cho quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.

3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với quỹ.

4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.

6. Giám sát danh mục đầu tư của quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại điều lệ quỹ.

7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.

8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của quỹ.

9. Đảm bảo quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.3
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ:....

Số Giấy phép thành lập và hoạt động:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

Ngân hàng giám sát:.....

Số Giấy phép hoạt động:..... do..... cấp ngày.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:..... do UBCKNN cấp ngày.....

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.

2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của quỹ.

3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các vốn góp mà quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát.

4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong điều lệ quỹ hoặc Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt.

(Tổng) Giám đốc	**Đại diện có thẩm quyền**
Công ty quản lý quỹ	**của Ngân hàng giám sát**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 09

MẪU BẢN CÁO BẠCH QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ hoán đổi danh mục

BẢN CÁO BẠCH QUỸ ETF

1. Tên của quỹ:

2. Loại hình quỹ:

3. Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN:

4. Thời hạn hiệu lực của bản cáo bạch:

5. Tiêu đề của bản cáo bạch:

6. Thông cáo nội dung sau:

"*Quỹ..... được mô tả trong Bản cáo bạch này là quỹ... được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày… tháng… năm...*"

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin:

8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp các tài liệu này (trụ sở chính, chi nhánh công ty, Website...).

(*trang bìa)*

QUỸ:.....

(Giấy chứng nhận ĐKKD số.... do.... cấp ngày... tháng... năm....)

CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số.../ĐKCB do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH:

(*hoặc* TỔ CHỨC ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH)

Công ty:.....

Công ty:.....

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH *(nếu có):*

Công ty:.....

Công ty:.....

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:..... từ ngày:.....

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên:..... Số điện thoại:.....

(*trang bìa)*

MỤC LỤC

Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá chứng chỉ quỹ quỹ chào bán
Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung bản cáo bạch
Các khái niệm
Tình hình và đặc điểm của quỹ
Thông tin tóm tắt về công ty quản lý quỹ
Thông tin về ngân hàng giám sát
Mục đích chào bán
Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán
Các đối tác liên quan tới đợt chào bán.
Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

Ông/Bà:..... Chức vụ: Chủ tịch

Ông/Bà:..... Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc)

Ông/Bà:..... Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính)

Ông/Bà:..... Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong bản cáo bạch này *là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này* phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:.....

Chức vụ:

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do *(tên công ty quản lý quỹ) lập sau khi có xác nhận của (tên Ngân hàng giám sát)*. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do *(tên các tổ chức có liên quan)* cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

(Những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu, hoặc có thể gây hiểu lầm được thể hiện trong bản cáo bạch cần phải định nghĩa)

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ

- Tên đầy đủ:
- Tên viết tắt:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

- Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

- Thời hạn hoạt động (nếu có):

- Vốn điều lệ:

- Cổ đông/thành viên/chủ sở hữu công ty quản lý quỹ:

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên sáng lập/chủ sở hữu;

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên từ 5% vốn điều lệ;

- Giới thiệu về hội đồng thành viên/chủ sở hữu (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

- Giới thiệu về Ban điều hành công ty quản lý quỹ (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

- Giới thiệu về Hội đồng đầu tư (thông tin tóm tắt các thành viên);

- Kinh nghiệm quản lý tài sản của công ty quản lý quỹ;

- Kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực của nhân viên công ty quản lý quỹ đảm nhiệm vị trí người điều hành quỹ thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ;

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ

- Tổng hợp tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ (kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính...) năm (05) năm gần nhất so với ngày đưa thông tin vào Bản cáo bạch;

- Các quỹ mà công ty đang quản lý (nêu chi tiết danh sách, tên quỹ, loại hình quỹ...);

- Yêu cầu: nêu rõ nguồn gốc, thời gian cung cấp các thông tin trên; nêu rõ các thông tin về hoạt động trong quá khứ của công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai;

- Trong bản cáo bạch không được cung cấp vì mục đích riêng, theo xu hướng thổi phồng các thành công và che đậy thất bại đối với các thông tin về tình hình hoạt động, kinh nghiệm quản lý quá khứ cũng như hiện tại của Công ty quản lý quỹ, tình hình hoạt động quá khứ cũng như hiện tại của các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ đang quản lý.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên đầy đủ:

- Tên viết tắt:

- Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:

- Trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

- Thời gian hoạt động (nếu có):

- Kinh nghiệm nhân viên được phân công giám sát hoạt động quản lý tài sản của quỹ dự kiến thành lập; bộ phận lưu ký tài sản cho quỹ dự kiến thành lập.

(Đính kèm hợp đồng giám sát nguyên tắc giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (nếu có))

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

- Tên công ty:

- Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)

- Nơi thành lập:

- Trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

- Thời hạn hoạt động (nếu có)

(đính kèm hợp đồng kiểm toán nguyên tắc giữa công ty quản lý quỹ và công ty kiểm toán (nếu có))

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

- Danh sách các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn bao gồm

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số Giấy chứng nhận làm đại lý phân phối:

- Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(dịch vụ ủy quyền bao gồm: dịch vụ quản trị quỹ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật)

- Tổ chức được ủy quyền:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính;

- Số giấy phép thành lập và hoạt động:

- Thời gian hoạt động:

- Lĩnh vực hoạt động chính:

- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền (liệt kê những điều khoản trong hợp đồng)

- Chi phí phải thanh toán..... hình thức thanh toán

(đính kèm hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức được ủy quyền (nếu có)).

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ

1. Thông tin chung về quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của quỹ

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán và quy mô quỹ

1.3. Tính chất và thời gian hoạt động của quỹ (nếu có).

2. Các quy định về mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, các yếu tố rủi ro của quỹ

2.1. Mục tiêu đầu tư

2.2. Chiến lược đầu tư

2.3. Phương pháp và quy trình đầu tư của quỹ

2.4. Các hạn chế đầu tư

2.5. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro lãi suất
- Rủi ro lạm phát
- Rủi ro thiếu tính thanh khoản
- Rủi ro pháp lý
- Rủi ro tín nhiệm
- Rủi ro xung đột lợi ích
- Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà quỹ dự kiến đầu tư).
- Rủi ro mức sai lệch của giá trị tài sản ròng so với chỉ số tham chiếu
- Rủi ro khác

3. Điều lệ quỹ trong đợt chào bán lần đầu và điều lệ quỹ cập nhật trong các lần công bố bản cáo bạch tiếp theo (nếu thay đổi)

Tóm tắt điều lệ quỹ với các thông tin chính sau đây:

3.1. Các điều khoản chung

3.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

- Mục tiêu đầu tư
- Chiến lược đầu tư
- Tài sản được phép đầu tư
- Cơ cấu đầu tư
- Các hạn chế đầu tư

- Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- Phương pháp lựa chọn đầu tư

- Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

3.3. Đặc trưng của quỹ

- Nhà đầu tư

- Tiêu chí, điều kiện góp vốn, điều kiện thanh toán áp dụng đối với nhà đầu tư góp vốn vào quỹ ETF

- Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

- Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

- Quyền biểu quyết của nhà đầu tư

- Các trường hợp giải thể quỹ và quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

3.4. Thông tin về các mức phí mà quỹ phải trả

- Phí quản lý quỹ

- Phí giám sát

- Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật

- Các loại phí, chi phí hạch toán vào quỹ; các loại phí, chi phí mà nhà đầu tư phải thanh toán

3.5. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của quỹ;

- Chính sách thuế: thuế áp dụng đối với quỹ, thuế thu nhập đối với nhà đầu tư

3.6. Đại hội nhà đầu tư

- Đại hội nhà đầu tư thường niên, bất thường

- Quyền hạn và nhiệm vụ đại hội nhà đầu tư;

- Thể thức tiến hành đại hội nhà đầu tư;

- Quyết định của đại hội nhà đầu tư.

3.7. Ban đại diện quỹ

- Tổ chức ban đại diện quỹ (danh sách);

- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ;

- Quyền hạn và nhiệm vụ của ban đại diện quỹ;

- Chủ tịch ban đại diện quỹ (nếu có);

- Thủ tục điều hành của ban đại diện quỹ;

- Đình chỉ và bãi miễn thành viên ban đại diện quỹ;

- Người đại diện cho thành viên ban đại diện quỹ;
- Biên bản họp Ban đại diện quỹ.

3.8. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của công ty quản lý quỹ

- Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ;
- Trách nhiệm và quyền hạn của công ty quản lý quỹ;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với công ty quản lý quỹ;
- Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ.

3.9. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát

- Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát;
- Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát.
- Thay đổi ngân hàng giám sát

3.10. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

4. Các thông tin đầu tư khác

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý

2. Phương án phát hành lần đầu

- Tên quỹ:
- Loại hình:
- Thời hạn hoạt động của quỹ:
- Mục tiêu/chiến lược đầu tư:
- Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư:
- Các sản phẩm dự kiến đầu tư:
- Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư:
- Cơ cấu đầu tư:
- Số lô chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán (hoặc số chứng chỉ quỹ tối đa và tối thiểu dự kiến chào bán):
- Thời hạn chào bán, gia hạn thời hạn chào bán:
- Mệnh giá:
- Giá phát hành:
- Số lượng đăng ký tối thiểu:
- Phương thức phân bổ số chứng chỉ quỹ lần đầu:

- Phí phát hành lần đầu (x%):
- Thời hạn xác nhận giao dịch của nhà đầu tư;
- Phương thức và hình thức thanh toán;
- Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối;
- Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành.
- Tiêu chí, điều kiện đối với nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ.

3. Quy trình phát hành, mua lại, chuyển đổi tài sản khi phát hành và mua lại lô chứng chỉ quỹ

4. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4.1. Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

4.2. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4.3. Công bố giá trị tài sản ròng

5. Niêm yết, hủy niêm yết chứng chỉ quỹ

6. Thông tin hướng dẫn nhà đầu tư tham gia vào quỹ

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Thông tin tài chính

1.1. Tóm tắt thông tin tài chính

1.2. Báo cáo tài chính (cập nhật hàng năm)

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ (cập nhật hàng năm)

3. Phí, lệ phí

3.1. Phí phát hành lần đầu

3.2. Phí mua lại

3.3. Phí quản lý

3.4. Phí giám sát, phí lưu ký

3.5. Các loại phí và lệ phí khác (phí kiểm toán, tư vấn thuế, định giá....)

3.6. Các loại phí, lệ phí khác

4. Các chỉ tiêu hoạt động

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ

Nêu rõ phương thức tính các khoản thu nhập của quỹ; kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận của quỹ cho các nhà đầu tư.

6. Dự báo kết quả hoạt động của quỹ

Trong bản cáo bạch có thể đưa ra các dự báo, ước đoán về tình hình chung của nền kinh tế, của thị trường chứng khoán, các xu hướng phát triển kinh tế, v.v... nhưng phải nêu rõ các dự báo, ước đoán trên không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của quỹ. Bản cáo bạch phải nêu rõ các căn cứ để đưa ra các dự báo trên.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của quỹ

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH (Nêu ra nguyên tắc trong việc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra)

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Nêu rõ nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trong việc cung cấp bản cáo bạch, báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động tháng quý năm cho nhà đầu tư của quỹ ETF.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Ghi rõ thông tin về địa chỉ, số điện thoại liên lạc để các nhà đầu tư có thể tiếp xúc với công ty quản lý quỹ nhằm giải đáp các thắc mắc liên quan đến quỹ ETF.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục quy trình và các hướng dẫn đăng ký mua lô chứng chỉ quỹ ETF
2. Phiếu đăng ký mua
3. Địa chỉ các nơi Bản cáo bạch được cung cấp
4. Các phụ lục khác

Các phụ lục khác *(nếu có)*

..... ngày.... tháng... năm....

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch HĐTV/ Chủ tịch công ty quản lý quỹ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
Người đại diện theo pháp luật của tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có) *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Tổng (Giám đốc) Công ty quản lý quỹ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 10

MẪU BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ hoán đổi danh mục

BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT QUỸ ETF

1. Quỹ ETF có thể cung cấp bản cáo bạch tóm tắt. Tuy nhiên, theo yêu cầu của nhà đầu tư, quỹ ETF sẽ cung cấp bản cáo bạch theo luật định.

2. Thông tin chính trong bản cáo bạch tóm tắt bao gồm:

a) Mục tiêu và chính sách đầu tư;

b) Thông tin về công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, đại lý phân phối, các tổ chức cung cấp các dịch vụ liên quan (nếu có);

c) Chiến lược đầu tư, rủi ro và kết quả hoạt động đầu tư của quỹ kèm theo khuyến cáo về kết quả hoạt động đầu tư của quỹ trước đó chỉ mang tính chất tham khảo và việc đầu tư vào quỹ không bao hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời và khả năng thu hồi vốn;

d) Nhận diện nhân viên tư vấn đầu tư và nhân viên quản lý danh mục đầu tư (công bố công khai tên của nhân viên tư vấn đầu tư của quỹ và nhân viên hỗ trợ, với các thông tin: tên, chức danh, thời gian làm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư);

đ) Danh sách thành viên ban đại diện quỹ;

e) Thông tin tóm tắt về giao dịch mua bán, các khoản thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán, các khoản thuế, phí, lệ phí mà nhà đầu tư phải thanh toán;

g) Thông tin cơ bản hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ ETF bao gồm các vấn đề liên quan tới quy trình phát hành, mua lại, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, phí phát hành (nếu có), phí mua lại (nếu có);

h) Thông tin cơ bản về hình thức, phương thức, lộ trình và thời điểm phân phối lợi nhuận quỹ;

i) Thông tin cơ bản về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ ETF.

Phụ lục số 11

MẪU BÁO CÁO GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

(định kỳ tháng, quý, năm)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Ngân hàng giám sát:.....
- Địa chỉ:
- Giấy phép hoạt động số:..... do..... cấp ngày.....
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.... do UBCKNN cấp ngày.....

I. Những vi phạm quy định pháp luật của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định tại Điều 72 của Luật Chứng khoán

Công ty quản lý quỹ	Giấy phép thành lập hoạt động số	Hình thức vi phạm	Số lượng quỹ bị ảnh hưởng

2. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định tại điều 73 của Luật Chứng khoán

Công ty quản lý quỹ	Giấy phép thành lập hoạt động số	Hình thức vi phạm	Số lượng quỹ bị ảnh hưởng

3. Công ty quản lý quỹ định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ

Công ty quản lý quỹ	Mức sai lệch	Thời gian quỹ bị định giá sai	Tình trạng khắc phục (hoàn tất/chưa hoàn tất)

4. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 92 của Luật Chứng khoán

- Tên công ty:
- Số lần vi phạm:
- Số quỹ bị ảnh hưởng:
- Số quỹ đang quản lý:

STT	Loại hình vi phạm	Tên quỹ	Biện pháp xử lý

5. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát phát hiện

Công ty quản lý quỹ	Loại vi phạm	Số quỹ bị tác động bởi vi phạm	Biện pháp xử lý

II. Vi phạm của Ngân hàng giám sát

1. Vi phạm quy định của Luật Chứng khoán

Vi phạm	Loại hình vi phạm	Biện pháp xử lý
Điều 98		
Điều 99		
….		
….		

2. Vi phạm các quy định tại Thông tư thành lập và quản lý quỹ ETF

Vi phạm	Loại hình vi phạm	Biện pháp xử lý
Điều		
Điều		
….		
….		

3. Vi phạm các quy định trong hợp đồng giám sát

Hợp đồng Giám sát số	Số vi phạm	Loại vi phạm	Số quỹ bị tác động bởi vi phạm

4. Báo cáo về các lỗi phát hiện trong khi đối soát chứng từ, tài sản giữa công ty quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát

Ngày phát hiện lỗi	Tên quỹ	Loại lỗi

5. Những vi phạm giám sát khác

Tổng số vi phạm	Loại vi phạm	Số quỹ bị tác động bởi vi phạm

III. Đánh giá cụ thể về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ

- Đánh giá toàn bộ hoạt động quản lý quỹ;
- Đánh giá hoạt động xác định giá trị tài sản ròng của quỹ;
- Việc phát hành chứng chỉ quỹ, huy động vốn cho quỹ;
- Các hoạt động khác.

IV. Kiến nghị (nếu có)

Chúng tôi cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật rằng những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác.

....., ngày... tháng... năm...
Đại diện theo thẩm quyền
của Ngân hàng giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 12
MẪU BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Ảnh hộ chiếu (4 x 6)

...., ngày... tháng... năm...

1. Họ và tên: Nam/Nữ:

Bí danh (nếu có):

2. Ngày tháng năm sinh:

3. Nơi sinh:

4. Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác):

5. Quốc tịch:

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

7. Chỗ ở hiện tại:

8. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):

9. Điện thoại, fax, email:

10. Trình độ văn hóa:

11. Trình độ chuyên môn:

12. Nghề nghiệp:

☐ Công chức Nhà nước ☐ Viên chức Nhà nước ☐ Khác

13. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

Nêu rõ tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (*liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)*

Thời gian	Nơi đào tạo/ thành phố	Chuyên ngành đào tạo	Chương trình học	Tên bằng

14. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí/khen thưởng, kỷ luật nếu có)

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ/Vị trí công tác	Trách nhiệm	Chức vụ

15. Chức vụ và nhiệm vụ tại ban đại diện quỹ/công ty quản lý quỹ/tổ chức góp vốn vào quỹ

16. Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

17. Nhân thân người khai (quan hệ vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột...)

Họ và tên	Năm sinh	Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Chức vụ
Vợ/chồng					
Bố					
Mẹ					
Con					
Anh/chị/em ruột					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai trên.

Sau khi nghiên cứu điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

Đối với thành viên ban đại diện quỹ

- Đáp ứng các điều kiện áp dụng đối với thành viên ban đại diện quỹ quy định tại điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật liên quan;

- Tuân thủ các quy định tại điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có)

Đối với thành viên ban đại diện quỹ độc lập

- Đáp ứng các điều kiện áp dụng đối với thành viên độc lập của ban đại diện quỹ tại điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật liên quan;

- Tuân thủ các quy định tại điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Đối với nhân viên điều hành quỹ

- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ công ty, các quy định nội bộ của công ty và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có)

Chứng thực chữ ký người khai	***Người khai*** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục số 13

MẪU THÔNG BÁO THANH TOÁN LỢI TỨC

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

THÔNG BÁO THANH TOÁN LỢI TỨC

1. Tên quỹ:

2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

3. Công ty quản lý quỹ

- Tên công ty:
- Tên tiếng Anh:
- Số giấy phép: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

4. Ngân hàng giám sát

- Tên ngân hàng:
- Tên tiếng Anh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số giấy phép hoạt động lưu ký: Ngày cấp: Nơi cấp
- Điện thoại: Fax:

5. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ, lợi nhuận tích lũy, lợi nhuận giữ lại, lợi nhuận phân chia:

6. Thời điểm, phương thức, hình thức thanh toán.

7. Thông tin về nhà đầu tư

- Tên nhà đầu tư:
- Số CMT/hộ chiếu/Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/tài liệu tương đương:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ liên lạc:

8. Thông tin về mức thanh toán lợi tức cho nhà đầu tư

- Số lượng chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư:
- Mức chi trả lợi tức..... (bằng tiền)..... và/hoặc..... (bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm) trên một chứng chỉ quỹ
- Tổng mức thanh toán..... (bằng tiền)..... và/hoặc (bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm) cho nhà đầu tư.

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Tổng) Giám đốc

Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 14

MẪU THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

(định kỳ hàng tháng, quý, năm)

- Tên của nhà đầu tư:
- Địa chỉ:
- Tài khoản số:
- Kỳ báo cáo: từ ngày..... tháng..... năm.... tới ngày..... tháng.... năm.....

Ngày	**Giao dịch**	**Số lượng đơn vị quỹ**	**Giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ**	**Giá giao dịch trên một đơn vị quỹ**	**Tổng giá trị giao dịch**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)=(3)x(5)**
	Số dư đầu kỳ				
	Mua				
	Bán				
	Số dư cuối kỳ				

* *Tính theo giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất*

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát	**(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 15

MẪU BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

(định kỳ hàng tuần)

- Tên của công ty quản lý quỹ:
- Tên của ngân hàng giám sát:
- Kỳ báo cáo: từ ngày..... tháng..... năm..... tới ngày..... tháng.... năm.....

I. Đối với quỹ đang hoạt động

Đơn vị tính:..... VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	KỲ TRƯỚC
A	Giá trị tài sản ròng		
A.1	Giá trị đầu kỳ		
	của quỹ		
	của một lô chứng chỉ quỹ		
	của một chứng chỉ quỹ		
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ		
	của quỹ		
	của một lô chứng chỉ quỹ		
	của một chứng chỉ quỹ		
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ		
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ		
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	Giá trị cao nhất (VND)*		
	Giá trị thấp nhất (VND)*		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ		
B.1	Giá trị đầu kỳ		

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	KỲ TRƯỚC
B.2	Giá trị cuối kỳ		
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước		
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)*		
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))*		
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	Giá trị cao nhất (VND)*		
	Giá trị thấp nhất (VND)*		

II. Đối với quỹ sau ngày hủy niêm yết để giải thể

STT		Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Tại ngày hủy niêm yết	Giá trị tài sản đã phân phối	
						Trong kỳ	Lũy kế
A	A.1	NAV/01chứng chỉ quỹ					
	A.2	Thay đổi NAV/01 chứng chỉ quỹ do phân phối					
	A.3	Thay đổi NAV/01 chứng chỉ quỹ do thay đổi giá thị trường					
B	B.1	NAV Quỹ					
	B.2	Thay đổi NAV quỹ do phân phối					
	B.3	Thay đổi NAV do thay đổi giá thị trường					
C	C.1	NAV/01 lô chứng chỉ quỹ					
	C.2	Thay đổi NAV/01 lô chứng chỉ quỹ do phân phối					
	C.3	Thay đổi NAV/01 lô chứng chỉ quỹ do thay đổi giá thị trường					

STT		Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Tại ngày hủy niêm yết	Giá trị tài sản đã phân phối	
						Trong kỳ	Lũy kế
D	D.1	Chi phí quản lý quỹ					
	D.2	Chi phí lưu ký, giám sát					
	D.3	Chi phí khác					
	Tổng chi phí						

III. Danh mục tài sản còn lại chưa phân phối cho nhà đầu tư

STT	Tên thành viên lập quỹ, nhà đầu tư	Số Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy thành lập và hoạt động (thành viên lập quỹ)	Số CMTND/ Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với nhà đầu tư)	Danh mục chứng khoán cơ cấu					
				Cổ phiếu niêm yết		Trái phiếu		Các loại chứng khoán khác	
				Mã chứng khoán	Số lượng	Mã chứng khoán	Số lượng	Mã chứng khoán	Số lượng
I	Thành viên lập quỹ								
1	…..								
2	…..								
3	…..								
II	Nhà đầu tư								
1	…..								
2	…..								
3	…..								

Lưu ý: * Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường - Giá trị tài sản ròng cùng thời điểm);

** Được xác định bằng tỷ số (Giá thị trường - Giá trị tài sản ròng)/Giá trị tài sản ròng

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát	**(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 16

MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ ETF

(bán niên, năm)

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ;

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ;

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có);

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có);

e) Chính sách phân chia lợi nhuận;

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành;

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có);

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có);

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu…) (*không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán*);

- Giá trị tài sản ròng của quỹ;

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành;

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong năm

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập);

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận;

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*);

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*);

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định: (i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm); (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm); (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm);

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác;

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có);

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ);

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị);

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị);

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo;

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)…;

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách);

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ;

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có);

m) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ mở đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có);

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

c) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ.

Trường hợp Ngân hàng giám sát có ý kiến cho rằng Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch về các nội dung nêu trên, thì phải cung cấp thông tin đầy đủ về các sự kiến đó, trong đó nêu rõ các ảnh hưởng có thể xảy ra đối với nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ, kể cả nhà đầu tư đã từng nắm giữ chứng chỉ quỹ trước đây và nhà đầu tư tiềm năng tại thời điểm phát sinh sự kiện. Ngân hàng giám sát cần đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục, giải pháp nhằm hạn chế các tình huống tương tự có thể xảy ra trong tương lai.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ;

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

(Tổng) Giám đốc
Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 17

MẪU BẢN THỐNG KÊ PHÍ GIAO DỊCH TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

THỐNG KÊ PHÍ GIAO DỊCH TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ETF

(định kỳ 6 tháng, hàng năm)

- Tên của công ty quản lý quỹ:
- Địa chỉ:
- Kỳ báo cáo: từ ngày..... tháng..... năm..... tới ngày..... tháng.... năm.....

Số thứ tự	Tên (mã) các Công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong năm	Quan hệ với Công ty quản lý quỹ	Tỷ lệ giao dịch của quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ	Tỷ lệ giao dịch của quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ báo cáo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)	(8)
1							
2							
...							
Tổng							

(Tổng) Giám đốc
Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 18

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ETF

(*Tháng, quý, năm)*

- Tên công ty quản lý quỹ:
- Tên ngân hàng giám sát:
- Tên quỹ:
- Ngày lập báo cáo:

I. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN CỦA QUỸ *Đơn vị tính:... VND*

TT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/cùng kỳ năm trước
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Tiền			
	Tiền gửi ngân hàng			
	Các khoản tương đương tiền			
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)			
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận			
I.4	Lãi được nhận			
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)			
I.6	Các khoản phải thu khác			
I.7	Các tài sản khác			
I.8	Tổng tài sản			
	Nợ	**Kỳ báo cáo**	**Kỳ trước**	**% cùng kỳ năm trước**
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)			
II.2	Các khoản phải trả khác			
II.3	Tổng nợ			

	Nợ	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	% cùng kỳ năm trước
III	Tài sản ròng của Quỹ (I.8 - II.3)			
IV	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành			
V	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (III/V)			

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
I	**Thu nhập từ hoạt động đầu tư**			
1	Cổ tức, trái tức được nhận			
2	Lãi được nhận			
3	Các khoản thu nhập khác			
II	**Chi phí**			
1	Phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ			
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS			
3	Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan			
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán			
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ			
6	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ			
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ			
8	Các loại phí khác (*nêu chi tiết*)			

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
III	**Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I - II)**			
IV	**Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư**			
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư			
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ			
V	**Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)**			
VI	**Giá trị tài sản ròng đầu kỳ**			
VII	**Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ**			
	Trong đó			
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ			
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ			
VIII	**Giá trị tài sản ròng cuối kỳ**			
IX	**Lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)**			
	Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			

III. BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của quỹ
I	**Cổ phiếu niêm yết**				
1					
2					
	Tổng				

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của quỹ
II	**Trái phiếu**				
1					
2					
	Tổng				
III	**Các loại chứng khoán khác**				
1					
2					
	Tổng				
IV	**Các tài sản khác**				
1					
2					
	Tổng				
V	**Tiền**				
1	Tiền mặt				
2	Chứng chỉ tiền gửi				
3	Công cụ chuyển nhượng...				
...					
	Tổng				
VI	**Tổng giá trị danh mục**				

IV. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	**Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động**		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ (%)		

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ		
II	**Các chỉ tiêu khác**		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ		
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ		
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
	Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ		
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ		
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ		
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư		
3	Quy mô quỹ cuối kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ		
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ		
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ		
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ		
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ		
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh		
8	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối tháng		

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát	**(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 19

MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VỀ CÁC GIAO DỊCH TÀI SẢN CỦA QUỸ ETF

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH TÀI SẢN CỦA QUỸ ETF

(Định kỳ hàng tháng, quý, năm)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Công ty quản lý quỹ:.....
- Địa chỉ:
- Ngân hàng giám sát:.....
- Địa chỉ:

STT	Nội dung hoạt động (nêu chi tiết theo mục tiêu và đối tác)	Đối tác	Mục tiêu/Tài sản đảm bảo	Kỳ hạn	Giá trị khoản vay hoặc khoản cho vay	Thời điểm giao dịch		Thời điểm báo cáo	
						Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ	Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ
1	Các khoản vay tiền *(nêu chi tiết từng hợp đồng)*								
1.1	...								
...	...								
I	Tổng giá trị các khoản vay tiền/ giá trị tài sản ròng								
2	Hợp đồng Repo[4] *(nêu chi tiết từng hợp đồng)*								

[4] Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại, trong đó quỹ là bên bán chứng khoán (bên đi vay tiền)

STT	Nội dung hoạt động (nêu chi tiết theo mục tiêu và đối tác)	Đối tác	Mục tiêu/Tài sản đảm bảo	Kỳ hạn	Giá trị khoản vay hoặc khoản cho vay	Thời điểm giao dịch		Thời điểm báo cáo	
						Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ	Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ
2.1	.....								
...	....								
II	Tổng giá trị các hợp đồng Repo/ giá trị tài sản ròng								
A	Tổng giá trị các khoản vay/giá trị tài sản ròng (= I + II)								
3	Cho vay chứng khoán *(nêu chi tiết từng hợp đồng)*								
3.1	...								
...	....								
III	Tổng giá trị các hợp đồng/giá trị tài sản ròng								
4	Hợp đồng Reverse Repo[5] *(nêu chi tiết từng hợp đồng)*								
4.1	.....								
...	...								
IV	Tổng giá trị các hợp đồng/giá trị tài sản ròng								
B	Tổng giá trị các khoản cho vay/ giá trị tài sản ròng (= III + IV)								

Đại diện có thẩm quyền
Ngân hàng giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Tổng) Giám đốc
Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[5] Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại, trong đó quỹ là bên mua chứng khoán (bên cho vay chứng khoán)

Phụ lục số 20

MẪU XÁC NHẬN DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU CỦA THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, NHÀ ĐẦU TƯ

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XÁC NHẬN DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU CỦA THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, NHÀ ĐẦU TƯ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....

Chúng tôi xin cung cấp chi tiết danh mục chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tham gia góp vốn thành lập quỹ đang được phong tỏa tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán nhằm mục đích đưa vào quỹ..... như sau:

1. Thông tin về quỹ

- Tên quỹ ETF *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh)*:
- Ngân hàng giám sát:
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán:
- Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có):
- Vốn điều lệ của quỹ:

2. Chi tiết danh mục chứng khoán cơ cấu

STT	Tên thành viên lập quỹ, nhà đầu tư	Số Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy thành lập và hoạt động (thành viên lập quỹ)	Số CMTND/ Hộ chiếu còn hiệu lực (đối với nhà đầu tư)	Danh mục chứng khoán cơ cấu					
				Cổ phiếu niêm yết		Trái phiếu		Các loại chứng khoán khác	
				Mã chứng khoán	Số lượng	Mã chứng khoán	Số lượng	Mã chứng khoán	Số lượng
I	Thành viên lập quỹ								
1	…								
II	Nhà đầu tư								
1	…								

……, ngày…… tháng…… năm……

Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng